



Review Article

Designing Criteria for the Evaluation Research Findings
in the Field of Social Science and Humanity:
some Theoretical Issues

Nguyen Thu Trang*, Nguyen Thi Ngoc Anh,
Nguyen Thi Quynh Anh, Tran Tien Anh

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 29 November 2022

Revised 15 February 2023; Accepted 12 March 2023

Abstract: As society evolves, so do people's needs for increasing awareness and knowledge. This is the driving force behind scientific advancement, including social sciences and humanities. The findings of humanities and social science research have made significant contributions to the ideological and scientific foundations of policymaking and development programs. Due to the distinctiveness of originality and creativity with varied values from scientific values, social practical values, informational values, etc., scientific and technical activities need to be identified, managed, and evaluated in accordance with the proper concepts, criteria, and standards. In a scientific research institution, evaluating scientific research outcomes is a critical task. One of the most crucial roles of evaluation is to comprehend the true scientific value of research findings. This article's objective is to provide a theoretical foundation for ongoing efforts to develop a comprehensive framework for evaluating research outputs in the humanities and social sciences.

Keywords: Evaluation; scientific research findings; evaluation criteria; social science and humanities research; criteria; scientific research outputs.

* Corresponding author.

E-mail address: ngrang.ipam@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4427>

Xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: một số vấn đề lý luận

Nguyễn Thu Trang*, Nguyễn Thị Ngọc Anh,
Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Trần Tiên Anh

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Vietnam*

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 02 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 3 năm 2023

Tóm tắt: Xã hội ngày càng phát triển kéo theo các nhu cầu về nhận thức và mở rộng tri thức của con người lớn dần. Điều này là động lực thúc đẩy sự phát triển của khoa học, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn (KHXX&NV). Các kết quả nghiên cứu của KHXX&NV đã và đang góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền tảng tư tưởng, cũng như cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách và các chương trình phát triển. Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) mang tính đặc thù về tính mới, tính sáng tạo với các giá trị khác nhau từ giá trị khoa học, giá trị thực tiễn xã hội, giá trị thông tin,... đòi hỏi việc nhận diện, quản lý và đánh giá các hoạt động này theo những tiêu chuẩn và tiêu chí phù hợp. Tại các tổ chức khoa học, việc đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ quan trọng. Một trong những vai trò quan trọng của việc đánh giá là hiểu được giá trị khoa học đích thực của kết quả nghiên cứu. Mục đích của bài viết là cung cấp cơ sở lý luận để bổ sung cho những nỗ lực chung trong việc xây dựng khung đánh giá kết quả sản phẩm nghiên cứu toàn diện cho các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXX&NV.

Từ khóa: Đánh giá, kết quả nghiên cứu khoa học, tiêu chí đánh giá, nghiên cứu KHXX&NV, tiêu chí, output nghiên cứu khoa học.

1. Đặt vấn đề

KH&CN dần trở thành một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của một quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa hiện nay. Sản phẩm nghiên cứu là kết quả quan trọng của quá trình thực hiện các nghiên cứu khoa học và việc đánh giá chất lượng của sản phẩm nghiên cứu là cần thiết bởi thông qua việc đánh giá có thể xác định được tính khách quan, độ tin cậy, và đặc biệt là giá trị

của kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, hiện nay các cấp quản lý và các trường đại học đều rất quan tâm đến chất lượng sản phẩm nghiên cứu, với yêu cầu tăng tính ứng dụng, nâng cao khả năng chuyển giao, đưa các kết quả nghiên cứu vào thực tế, tạo ra giá trị kinh tế - xã hội thay vì “cát ngăn kéo”.

Với đặc điểm có tính trễ trong áp dụng của kết quả nghiên cứu khoa học, rất ít kết quả nghiên cứu khoa học có thể ngay lập tức hoặc

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ngrang.ipam@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4427>

trực tiếp đưa vào ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh như các lĩnh vực khác, nhất là đối với các nghiên cứu khoa học cơ bản. Điều này khiến cho việc đánh giá ngay khi kết thúc quá trình thực hiện dự án/đề tài của các cơ quan quản lý gặp nhiều thách thức khi vừa phải đảm bảo tính công bằng, khách quan trong đánh giá vừa ghi nhận kịp thời đóng góp của nhà khoa học/nhóm nghiên cứu/tổ chức chủ trì. Theo truyền thống, đánh giá kết quả nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp đánh giá ngang hàng (peer review), tức là các chuyên gia trong cùng 1 lĩnh vực đánh giá kết quả nghiên cứu theo các tiêu chí như: mức độ liên quan, giá trị, phát hiện mới và hướng phát triển trong tương lai của chủ đề nghiên cứu. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có hạn chế bởi những ảnh hưởng chủ quan của người thực hiện. Để khắc phục hạn chế của phương pháp này, các công cụ định lượng đã được bổ sung như việc đo chỉ số H-index, Ch-index nhằm đánh giá/so sánh sự ảnh hưởng của kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học hoặc nhóm nghiên cứu khác nhau [1].

Hiện nay, đã có nhiều quan điểm với những đề xuất về đánh giá kết quả nghiên cứu được đề cập trong các nghiên cứu quốc tế và tại Việt Nam nhưng phần lớn tập trung vào kết quả nghiên cứu dưới dạng bài báo công bố như: tổng số trích dẫn, yếu tố tác động của tạp chí; Chỉ số H, Chỉ số Ch; Xếp hạng trang, thống kê số lượt tải xuống của bài viết và nhận xét sử dụng phương tiện truyền thông xã hội,... Các phương pháp này tập trung vào việc lượng hóa và giúp các nhà quản lý đánh giá kết quả nghiên cứu dễ dàng hơn nhưng không phải trong lĩnh vực hay bất kỳ trường hợp nào cũng có thể sử dụng các chỉ số đo lường định lượng để đánh giá kết quả nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực KHXH&NV.

Trong lĩnh vực KHXH&NV, việc đánh giá sản phẩm nghiên cứu có nhiều khó khăn hơn so với các ngành khác do đặc thù kết quả nghiên cứu của ngành này cần thời gian để có thể đánh giá hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh văn hóa – xã hội có những biến đổi ngày càng phức tạp và đa dạng. Ở Việt Nam, các nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHXH&NV đa phần là nghiên cứu cơ bản,

nghiên cứu về các vấn đề xã hội và con người, qua đó, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của các cơ quan quản lý nhằm xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy, việc đánh giá kết quả và sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tính chất và giá trị của kết quả nghiên cứu, mà còn ảnh hưởng đến các quyết định quan trọng trong việc xác định xu hướng phát triển xã hội để từ đó có những hoạch định chính sách, quy định bám sát với nhu cầu thực tiễn.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có bộ tiêu chí nào dành riêng cho sản phẩm của nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV. Do đó, việc xây dựng một khung tiêu chí đánh giá sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV là rất cần thiết để đảm bảo tính khách quan và hiệu quả của quá trình đánh giá.

Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích dữ liệu thứ cấp để xem xét các vấn đề lý luận liên quan đến tiêu chí đánh giá, sản phẩm, đặc điểm của hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV để từ đó có những khái quát và thống nhất trong khái niệm. Các sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV có nhiều cách phân loại khác nhau dựa trên chức năng, tính chất, phương pháp thống kê gắn với các hoạt động nghiên cứu khoa học khác nhau. Trong bài viết này, nhóm tác giả xem xét các sản phẩm và kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV khi thực hiện dự án/đề tài. Bên cạnh đó, nhóm tác giả phân tích những khung đánh giá nghiên cứu khoa học đang được áp dụng hiện nay của một số tổ chức uy tín tại Việt Nam như Bộ KH&CN, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam,... từ đó có những thảo luận, đề xuất giải pháp phù hợp. Cùng với đó, bài viết mong muốn cung cấp một số vấn đề lý luận để có thể xây dựng khung đánh giá kết quả sản phẩm nghiên cứu toàn diện cho các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV.

2. Một số vấn đề lý luận liên quan đến tiêu chí đánh giá sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

2.1. Khái niệm kết quả và sản phẩm của nghiên cứu khoa học

Theo Luật KH&CN (2013), “*Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn*”. Theo quan điểm này, nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai [2].

Theo Vũ Cao Đàm (2007), nghiên cứu khoa học là sự tìm tòi khám phá bản chất các sự vật hoặc hiện tượng vốn tồn tại trong tự nhiên và xã hội và sáng tạo các sự vật, hiện tượng mới dựa trên các phương pháp khoa học. Nghiên cứu khoa học là một dạng hoạt động xã hội đặc biệt, trong đó sản phẩm của nghiên cứu là một sự vật hoàn toàn mới, không được biết trước, thậm chí trong nhiều trường hợp, hoạt động nghiên cứu có thể gặp rủi ro [3].

Theo Vũ Cao Đàm, kết quả nghiên cứu là “*sản phẩm được tạo ra nhờ hoạt động nghiên cứu khoa học. Bản chất của kết quả nghiên cứu là những thông tin về bản chất của sự vật – đối tượng nghiên cứu*” [3]. Khi đánh giá cần chú ý đến những đặc điểm sau:

Thứ nhất, giá trị của kết quả nghiên cứu khoa học cung cấp những kiến thức, thông tin mới hoặc cập nhật những tri thức đã có, qua đó góp phần giải quyết các vấn đề đương đại và đóng góp cho sự phát triển của lĩnh vực nói riêng và xã hội nói chung. Không thể đánh giá tính mới của đề tài, kết quả nghiên cứu thông qua số lượng trang, “độ dày” của báo cáo tổng kết và ngược lại. Quan trọng là nằm ở nội dung, khả năng đóng góp về tri thức mới. Tương tự với việc không thể đánh giá chất lượng của sản phẩm nghiên cứu dựa trên số lượt trích dẫn vì trích dẫn trong nhiều trường hợp có thể chỉ là trích dẫn để phê phán;

Không thể lấy tiêu chuẩn “*đã được áp dụng*” để đánh giá kết quả nghiên cứu: thông thường, trong các văn bản quy định hiện nay thì “*kết quả*” và “*hiệu quả*” đang được đánh đồng vào một hội

đồng được gọi là “*Hội đồng đánh giá nghiệm thu*”. Đánh giá kết quả nghiên cứu là việc đánh giá trực tiếp vào nội dung, hồ sơ, mẫu vật, mẫu sản phẩm, mô hình,... của công trình nghiên cứu. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu là đánh giá các tác động nhiều mặt có thể có do công trình nghiên cứu tạo ra sau khi được công bố hay triển khai trên thực tế. Trong khi đó Hội đồng nghiệm thu thường thực hiện việc đánh giá này vào thời điểm ngay khi dự án/đề tài kết thúc. Đề tài nghiên cứu khoa học luôn mang trong mình các đặc điểm của nghiên cứu khoa học như tính mới, tính rủi ro hay tính trễ. Một công trình khoa học phải có tính mới, nghĩa là chưa được nghiên cứu hay áp dụng ở đâu cả thì việc sử dụng tiêu chí “*đã được áp dụng*” là không hợp lý, do không thể đánh giá công trình ngay khi hoàn thành mà phải đợi ít nhất một thời gian.

Không dựa theo cấp hành chính để đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài: thực tế vẫn còn tồn tại một số quan điểm vẫn đánh giá thành tích khoa học theo “*cấp hành chính*” và cho rằng đề tài cấp “*cao*” có giá trị ứng dụng cao hơn so với các đề tài cấp cơ sở. Trên thực tế, đã có những công trình khoa học lớn để lại dấu ấn khoa học, giá trị từ lý thuyết mà họ đưa ra vẫn có thể giải quyết cho các vấn đề đương đại như Marx, Weber,... Giá trị khoa học của một kết quả nghiên cứu và ý nghĩa ứng dụng của đề tài là hai “*đại lượng*” không có “*thứ nguyên*” chung để so sánh [3]. Vì vậy, việc xem xét về ý nghĩa khoa học của mỗi một đề tài là hết sức cần thiết và đối với từng lĩnh vực cần có những tiêu chí riêng để có đánh giá khách quan nhất có thể.

Phân loại các sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học

Có nhiều cách phân loại sản phẩm nghiên cứu khoa học tùy thuộc các sản phẩm nghiên cứu khoa học của từng lĩnh vực, từng ngành và mỗi tổ chức có quy định khác nhau, có thể phân loại theo chính chất sản phẩm (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai); theo chức năng nghiên cứu (nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải thích, nghiên cứu giải pháp, nghiên cứu dự báo,...) hoặc theo góc độ thống kê khoa học [4]. Hiện nay trong các văn bản, biểu mẫu của các cơ quan quản lý, sản phẩm nghiên cứu khoa học

được chia thành 3 nhóm chính: Các báo cáo khoa học; các công bố và sản phẩm đào tạo. Cụ thể: theo Phụ lục I của Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN của Bộ KH&CN, các sản phẩm KH&CN chính của đề tài nghiên cứu khoa học

cấp quốc gia, được chia theo các dạng đề tài như: i) Đề tài KHXXH&NV; ii) Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ (NCUD&PTCN); iii) Dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN); và iv) Đề án khoa học.

Bảng 1. Các loại hình sản phẩm KH&CN chính của đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia theo loại đề tài

	Đề tài KHXXH&NV	Đề tài NCUD&PTCN	Dự án SXTN	Đề án khoa học
Dạng I	Báo cáo khoa học; Kết quả dự báo; mô hình; Quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.	Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.	Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị,	Báo cáo khoa học; Kết quả dự báo; Mô hình; Quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.
Dạng II	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác.	Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật; Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác.	quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; iii) Ấn phẩm; iv) Đào tạo cán bộ; v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm.	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác.
Dạng III		Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác.		
Biểu mẫu	B1-2b-TMĐTXH	B1-2a-TMĐTCN	B1-2c-TMDA	B1-2d-TMĐA

Nguồn: tổng hợp từ Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.

Năm 2022, Đại học Quốc gia Hà Nội ban quyết định 3149/QĐ-ĐHQGHN Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (thay thế Quyết định 3839/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/10/2014), trong đó, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Quốc gia Hà Nội được phân loại chi tiết và rõ ràng hơn, bao gồm:

- i) Hàng hóa thiết bị, nguyên vật liệu, dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi;
- ii) Báo cáo mô tả nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, cơ sở dữ liệu; Báo cáo

phân tích; Tài liệu dự báo; Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật; Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác,...

Về hình thức của sản phẩm gồm: i) Công bố khoa học; ii) Báo cáo tư vấn chính sách theo đặt hàng; iii) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; iv) Hỗ trợ đào tạo (từ thạc sĩ trở lên).

Trong hướng dẫn mẫu NCCB02 về Chương trình nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực KHXXH&NV của Nafosted, kết quả đề tài chia thành: i) Kết quả nghiên cứu (phát hiện mới, lý thuyết mới, phương pháp mới, vật liệu mới,...; ý nghĩa khoa học, khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu); ii) Công trình công bố (gồm số lượng bài

tạp chí ISI uy tín, tạp chí quốc tế uy tín, tạp chí quốc tế khác, tạp chí quốc gia uy tín, hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia, sách chuyên khảo,...); và iii) Kết quả đào tạo (từ cao học trở lên) [5].

2.2. Khái niệm tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học

Để hiểu được khái niệm “tiêu chí đánh giá nghiên cứu khoa học”, trước tiên bài viết làm rõ khái niệm “đánh giá”, “tiêu chí”. Hiện nay, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau về khái niệm đánh giá và tiêu chí. Tiêu chí có thể được hiểu là các tiêu chuẩn hoặc nguyên tắc được sử dụng làm cơ sở để đánh giá một đối tượng về chất lượng, mức độ hiệu quả hoặc giá trị của một sự vật, hiện tượng thông qua những chỉ báo, bao gồm: mức độ phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững [6]. Theo từ điển trực tuyến Merriam-Webster, tiêu chí được hiểu là những tiêu chuẩn mà có thể dựa vào đó để đưa ra một/nhiều quyết định [7]. Điển hình, trong lĩnh vực giáo dục, tiêu chí được sử dụng để đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên có thể bao gồm: trình độ và kỹ năng của đội ngũ giảng viên, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập, đánh giá và phản hồi của học sinh và các yếu tố khác.

Khái niệm đánh giá được hiểu rất đa dạng và phong phú với nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong đó phổ biến nhất trong tiếp cận giáo dục và chính sách. Theo tiếp cận quản lý giáo dục, đánh giá là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu của chương trình giáo dục [8]. Theo Griffin (1996) đánh giá là đưa ra kết luận về giá trị của một sự kiện, bao gồm các thông tin nhằm định giá hay phân tích tiềm năng ứng dụng của một chương trình, một sản phẩm, một tiến trình, mục tiêu [9]. Cùng quan điểm đó, Owen và Rogers (1999) đánh giá được hiểu là việc xem xét, xác định chất lượng của đối tượng được đánh giá trên cơ sở thu thập thông tin một cách hệ thống để làm căn cứ đưa ra quyết định phù hợp [10]. Hoặc theo tiếp cận mục đích thì đánh giá là quá trình xây dựng những nhận định về kết quả của nghiên cứu, so sánh với những mục tiêu và tiêu chuẩn đã đề ra để đề xuất những quyết định

nhằm điều chỉnh thực trạng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc [11].

Theo cách tiếp cận chính sách, đánh giá không chỉ đơn giản là đánh giá một sáng kiến/một nghiên cứu thành công hay thất bại mà còn tạo ra thông tin và dữ liệu về sự thành công của sáng kiến/nghiên cứu đó với những bằng chứng cụ thể. Dựa vào kết quả đánh giá có thể đề xuất và cung cấp những chương trình/giải pháp hiệu quả hơn [12]. Trong quy định về đánh giá chính sách/chương trình của chính quyền tỉnh Newfoundland và Labrador, Canada định nghĩa “đánh giá” là việc thu thập và phân tích có hệ thống thông tin về hiệu suất của một chính sách, chương trình hoặc sáng kiến để đưa ra đánh giá về mức độ phù hợp, tiến độ hoặc thành công và hiệu quả chi phí và/hoặc để thông báo các quyết định về kế hoạch hoặc chương trình hành động trong tương lai [13].

Đánh giá có thể hiểu là quá trình đánh giá hoặc định giá giá trị, chất lượng hoặc hiệu quả của một sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động nào đó. Đánh giá có thể được thực hiện để đo lường mức độ đáp ứng, độ hiệu quả hoặc chất lượng của một hoạt động hoặc sản phẩm. Thông qua đánh giá có thể giúp tìm ra các vấn đề hoặc điểm yếu trong quá trình hoạt động hoặc sản phẩm/kết quả để có những cải thiện và nâng cao chất lượng hoặc hiệu quả của chúng.

Theo tiếp cận quản lý KH&CN, hoạt động đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng bởi đây là cơ sở để đánh giá ý nghĩa của nghiên cứu trong hệ thống tri thức khoa học cũng như xem xét, nhận định về năng lực nghiên cứu của cá nhân, nhóm nghiên cứu thực hiện. Đối với cơ quan quản lý thì đây cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả đầu tư cũng như xem xét có tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu đó hay không và khả năng áp dụng kết quả nghiên cứu đó vào thực tiễn. Thông qua kết quả đánh giá, công lao và sự đóng góp của đơn vị/cá nhân thực hiện sẽ dễ dàng đo đếm, trả công cũng như tôn vinh [14].

Có thể thấy rằng, tiêu chí và đánh giá có mối quan hệ với nhau: để thực hiện một đánh giá cần có những công cụ đánh giá, và đó là các tiêu chí.

Hơn nữa, việc xác định các tiêu chí phù hợp tùy thuộc vào mục tiêu, tính chất và đối tượng đánh giá. Như vậy, tiêu chí không chỉ là công cụ, phương tiện đánh giá mà còn đóng vai trò quyết định đến kết quả, hiệu quả đánh giá. Bộ tiêu chí đánh giá giúp cho các chuyên gia thẩm định, đánh giá có các chỉ báo, thang đo cụ thể làm căn cứ cho những phân tích, nhận định để đảm bảo tính chung nhất cho cả hội đồng đánh giá, hạn chế những đánh giá sai hoặc mang tính chủ quan, cảm tính, thiên kiến. Đây là cơ sở để đảm bảo sự khách quan và công bằng trong đánh giá một kết quả nghiên cứu.

Tóm lại, từ cách hiểu trên về khái niệm “Tiêu chí đánh giá nghiên cứu khoa học” trong khuôn khổ bài viết này được hiểu là những tiêu chuẩn về số lượng, giá trị hoặc các thang đo khác, và những tiêu chuẩn này dùng để làm căn cứ, dựa vào đó để nhận biết, xếp loại một kết quả nghiên cứu có đạt các yêu cầu đã đặt ra từ trước hay không.

2.3. Đặc điểm của kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Về mặt từ ngữ, từ “khoa học” có nguồn gốc từ tiếng Latin *scientia* có nghĩa là kiến thức, tri thức. Theo nhiều cách tiếp cận thì có nhiều định nghĩa khác nhau về khoa học nhưng trong đó có quan điểm cho rằng khoa học là hệ thống tri thức [15]. Theo Luật KH&CN (2013), *Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy* [2]. Khoa học được chia thành khoa học tự nhiên và KHXH&NV, trong đó:

Khoa học tự nhiên là nghiên cứu về các sự vật hoặc hiện tượng tự nhiên như ánh sáng, vật chất, trái đất, các thiên thể hoặc cơ thể con người. Trong khi đó, KHXH&NV là khoa học nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người và cộng đồng như các nhóm xã hội, doanh nghiệp, hiệp hội hoặc kinh tế và hành vi cá nhân/tập thể. Khoa học tự nhiên và KHXH&NV có sự khác biệt cơ bản. Điển hình, KHTN đòi hỏi tính chính xác tuyệt đối, rõ ràng và không chịu sự chi phối của người tiên hành/Thực hiện. Điển hình như, trong một thí nghiệm hóa học, đo phản ứng 2 chất sẽ

luôn thu được kết quả tương đồng, giống nhau dù không phân biệt thời gian hay địa điểm thực hiện hay người tiên hành. Mặt khác, các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV yêu cầu ít chặt chẽ hơn về tính phổ quát của kết quả nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV cũng có sự biến thiên của khách thể nghiên cứu cao hơn so với nghiên cứu khoa học tự nhiên. Ví dụ, trong một nghiên cứu KHXH&NV về sự hài lòng của người tiêu dùng với một trải nghiệm thì đôi khi những thời điểm trong cùng một ngày sẽ có những cảm nhận khác nhau, hôm trước hôm sau đã ghi nhận hai câu trả lời khác nhau. Vì vậy, khó có thể đưa ra kết luận chính xác.

Với những khác biệt so với khoa học tự nhiên mà kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV ít các phát minh, sáng chế mà chủ yếu là phát hiện và sáng tạo. Các kết quả và sản phẩm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV có những đặc điểm sau:

- Trong lĩnh vực KHXH&NV, các sản phẩm và kết quả nghiên cứu rất khó lượng hóa

Kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV thường là những nghiên cứu liên quan đến các hành vi, mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với các tổ chức và các đề xuất về lý luận và thực tiễn. Yêu cầu về sản phẩm có thể không giống nhau ở các lĩnh vực. Hiện nay, các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV có xu hướng nghiên cứu liên ngành, đa lĩnh vực với các biến số được đo lường và chú trọng đến các nghiên cứu định lượng. Nhưng thực tế, so với nghiên cứu khoa học tự nhiên, hạn chế trong kỹ thuật thực hiện và sự biến động chủ quan của chủ thể nghiên cứu mạnh mẽ hơn khiến cho việc lượng hóa và khái quát vấn đề gặp nhiều khó khăn.

- Các kết quả, sản phẩm trong lĩnh vực KHXH&NV khó đánh giá chất lượng nhưng không phải là không đánh giá được

Trong lĩnh vực KHXH&NV, các kết quả của các nghiên cứu thường là những quan điểm, góc nhìn, cách tiếp cận để giải thích những vấn đề đang tồn tại trong xã hội hiện nay và đề xuất những ý tưởng được xã hội chấp nhận, nhất là

được giới chuyên môn đánh giá cao. Trên thực tế, có những kết quả nghiên cứu chưa được đánh giá đúng mức của trong thời điểm công bố (do chưa có tính ứng dụng) nhưng lại là những đề xuất kiến nghị có giá trị trong tương lai. Do đó, việc xác định một kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV có chất lượng tốt hay không là một thách thức đối với các chuyên gia và tổ chức thẩm định. Bên cạnh đó, việc đánh giá chất lượng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV ở một thời điểm nhất định là hoàn toàn mang tính tương đối và phải chờ kiểm nghiệm của thực tiễn, tuy nhiên, vẫn có thể đánh giá kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này nếu có các phương pháp đánh giá phù hợp và thận trọng, sử dụng các tiêu chuẩn chất lượng phù hợp, và xem xét cẩn thận các ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu,...

- Hiệu quả của nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV là tổng hợp của nhiều hiệu quả

Trong lĩnh vực KHXH&NV, các nghiên cứu thường có mục đích phân tích và giải thích các hiện tượng xã hội và liên quan phát triển xã hội, nâng cao nhận thức của cộng đồng. Các kết quả nghiên cứu thường được sử dụng để giúp các nhà hoạch định chính sách, hoạch định chương trình và mục tiêu phát triển gắn với nhu cầu thực tế của đối tượng thụ hưởng chính sách, quan điểm và chương trình phát triển này. Mỗi một kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV đều có thể gắn với các mặt về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả chính trị - tư tưởng, hiệu quả khoa học,... Trong đó, hiệu quả và tác động của kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực này không trực tiếp đo đếm ngay được. Những mặt hiệu quả này không thể nhận thấy được trong một thời gian ngắn, ngay sau khi kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV được ứng dụng mà nhiều khi phải tốn vài năm, thậm chí hàng chục năm mới thấy rõ hiệu quả. Vì vậy, không thể đơn thuần nhìn vào khía cạnh hiệu quả trước mắt hoặc chỉ xem xét trên bình diện hiệu quả kinh tế để cân nhắc mức độ đầu tư hoặc nhận xét kết quả và hiệu quả của kết quả, sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV mà phải xét đến cả hiệu quả tổng hợp, lâu dài và toàn diện.

- Sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV gắn rất chặt với hoạt động chính trị

Các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách xây dựng và phát triển đất nước, góp phần nâng cao trình độ dân trí, tham gia thẩm định các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội,... Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã chỉ rõ “nhiều kết luận của KHXH&NV đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới” [16].

Tóm lại, từ những đặc thù của kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV cho thấy chúng ta cần hết sức lưu ý trong quá trình đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, không nên quá cứng nhắc mà cần linh hoạt trong quá trình đánh giá do những đặc thù của nhóm ngành này. Những chuyên gia đảm nhận việc đánh giá, những nhà quản lý cũng cần phải nắm rõ đặc thù riêng có của hoạt động nghiên cứu KHXH&NV để đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá đúng đắn, những quyết định quản lý phù hợp.

2.4. Sự cần thiết xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả, sản phẩm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Hiện nay, ở Việt Nam đang sử dụng tiêu chí chung để đánh giá cho kết quả và sản phẩm KH&CN, chưa có một bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá cho kết quả và sản phẩm khoa học thuộc lĩnh vực KHXH&NV. Đây cũng là một yếu điểm khiến kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV chưa được đánh giá đúng mức, đúng giá trị.

Bên cạnh đó, các sản phẩm của nghiên cứu cơ bản chưa được xem xét và đánh giá đúng với mức độ quan trọng của nó. Sử dụng cách tiếp cận liên ngành và kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của đề tài là đề xuất bản dự thảo Quy trình bộ tiêu chí đánh giá sẽ đặt ra những tiêu chuẩn mới, cụ thể cho các đề tài/dự

án KHXH&NV. Đối với các nhà khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV, bộ tiêu chí cũng sẽ đặt ra những chuẩn mực mới, khiến các nhà khoa học không chỉ thực hiện các nghiên cứu mang tính định tính mà còn phải liên tục cập nhật và sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu để nâng cao tính thực tiễn, tính ứng dụng cho kết quả nghiên cứu thay vì các nghiên cứu “cắt ngắn kéo” và tiến gần hơn với các quy chuẩn quốc tế.

Đại học Quốc gia Hà Nội với tầm nhìn trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa

ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới; trong đó có mục tiêu các nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV và khoa học quản lý giáo dục tập trung luận giải những vấn đề hệ trọng của đất nước mà Đảng và Nhà nước đang đặt ra. Đối với Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ tiêu chí không chỉ đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động đánh giá kết quả và sản phẩm khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV mà còn góp phần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành, đa ngành và hình thành cơ sở dữ liệu cho trong lĩnh vực KHXH&NV.

Bảng 2. Bảng tổng hợp tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài/dự án của một số đơn vị đang sử dụng

Bộ KH&CN	Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
1. Đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của đề tài so với yêu cầu của hợp đồng đã ký kết (tối đa 25 điểm).	1. Mục tiêu (10 điểm).	2. Số lượng và chất lượng sản phẩm đạt được so với đăng ký (50 điểm).	1. Đánh giá mức độ đầy đủ của sản phẩm so với hợp đồng và sự phù hợp về mục tiêu, nội dung nghiên cứu của các sản phẩm chính của đề tài so với hợp đồng.
2. Đánh giá sự phù hợp của cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (tối đa 10 điểm).	3. Chất lượng báo cáo tổng kết quả nghiên cứu.	1. Mức độ đáp ứng so với đăng ký (40 điểm).	2. Đánh giá tính cập nhật của tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước; 3. Tính phù hợp của cơ sở lý thuyết và việc vận dụng cơ sở lý thuyết vào nghiên cứu nội dung của đề tài; Sự phù hợp của cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu; Tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu, tư liệu.
3. Đánh giá về giá trị khoa học của đề tài (tối đa 25 điểm).	2. Nội dung, yêu cầu khoa học và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm (20 điểm).	3. Chất lượng báo cáo tổng kết (10 điểm).	4. Đánh giá giá trị khoa học của đề tài.
4. Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn của đề tài (tối đa 20 điểm).			5. Đánh giá giá trị thực tiễn của đề tài.
5. Đánh giá kết quả nghiên cứu được công bố (tối đa 10 điểm).	4. Hình thức và cấp độ công bố kết quả (30 điểm) 5. Sản phẩm đào tạo (10 điểm).		7. Đánh giá kết quả nghiên cứu được công bố.

6. Đánh giá kết quả vượt trội của đề tài (tối đa 10 điểm).	6. Các kết quả vượt trội (điểm thưởng), 10 điểm.		6. Đánh giá tính trung thực của kết quả nghiên cứu.
<p>Cách xếp hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Đạt” là đề tài đạt điểm TB từ 70 điểm trở lên, trong đó, phần đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của đề tài đạt 25 điểm, phần giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài đạt từ 30 điểm trở lên. + “Trung bình” là điểm TB từ 70 - dưới 80 điểm; + “Khá” là điểm TB từ 80 điểm - dưới 90 điểm. + “Xuất sắc” là điểm TB từ 90 - 100 điểm. - “Không đạt” là điểm TB dưới 70 điểm. 	<p>Cách xếp hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc (> 90 điểm) - Tốt (80-90 điểm) - Đạt (50-79) - Không đạt (< 50 điểm) <p>(trong đó, mức Đạt trở lên yêu cầu được điểm tối đa ở mục 4).</p>	<p>Cách xếp hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: Từ 95 - 100 điểm; - Tốt: Từ 85 - 94 điểm; - Khá: Từ 70 - 84 điểm; - Đạt: Từ 50 - 69 điểm; - Không đạt: Dưới 50 điểm. 	

Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp [17-19].

3. Các khung đánh giá sản phẩm nghiên cứu đang được áp dụng tại Việt Nam hiện nay

Hiện nay, các khung tiêu chí đánh giá sử dụng ở Việt Nam được xây dựng dựa trên mẫu do Bộ KH&CN ban hành. Trong bài viết này, nhóm tác giả so sánh các khung đánh giá đã ban hành và đang được áp dụng thông qua các Thông tư, văn bản hướng dẫn của Bộ KH&CN, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Các khung đánh giá hiện nay đang chia thành 2 nhóm chính: Nhóm I - Khung đánh giá thống kê sản phẩm nghiên cứu khoa học; và Nhóm II - Khung đánh giá báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học.

Nhóm I - Khung đánh giá thống kê sản phẩm nghiên cứu khoa học

Đối với nhóm I, các khung đánh giá có thể kể đến: Điều 19 và Phụ lục 6 trong Thông tư 07/2009/TT-BKH&CN ngày 03 tháng 04 năm 2009 Hướng việc đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, hay Mẫu 17/KHCN đính kèm theo Quyết định số 3839/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/10/2014 Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Quốc

gia Hà Nội; hoặc Mẫu M08 đính kèm theo Quyết định 193/QĐ-ĐHQG-KHCN ngày 22/3/2012 về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài KH&CN trong Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Nhìn vào Bảng 2, thứ tự và điểm đánh giá của các tiêu chí trong khung đánh giá của mỗi đơn vị có điểm tương đồng và khác biệt. Các khung đều đưa ra một số tiêu chí chung như: mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm theo hợp đồng; sự phù hợp về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và dữ liệu sử dụng; ý nghĩa khoa học và thực tiễn; các sản phẩm công bố và đào tạo.

Nhóm II - Khung đánh giá báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học

Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học cho phép các nhà nghiên cứu ghi lại những phát hiện và công bố những phát hiện này với công chúng, với giới học thuật. Việc đánh giá báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu là hoạt động cần thiết và quan trọng để xem xét những phát hiện của nghiên cứu có phù hợp, giải quyết được các câu hỏi với mục tiêu đề ra hay không. Trong phần này, nhóm tổng hợp 2 khung đánh giá của Bộ KH&CN và Đại học Quốc gia Hà

Nội, cụ thể: Mẫu 4b Thông tư 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà

nước và mẫu 14/KHCN kèm theo Quyết định số 3149/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/09/2022 về Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bảng 3. Một số tiêu chí đánh giá báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

Bộ KH&CN	Đại học Quốc gia Hà Nội
<p>1. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ; - Tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng vào các báo cáo khoa học của nhiệm vụ; - Về khái niệm, thuật ngữ và văn phong trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ; - Về cấu trúc nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ; - Về phân tích, lập luận khoa học của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ. 	<p>1. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (20 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bám sát định hướng và thiết kế nghiên cứu được phê duyệt trong thuyết minh trong việc giải quyết vấn đề nghiên cứu; - Sáng tạo, độc đáo và hiệu quả trong việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu; <p>2. Nội dung nghiên cứu (30 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bám sát nội dung đã được phê duyệt trong thuyết minh, thể hiện sự phù hợp với mục tiêu và phương pháp nghiên cứu; - Các nội dung và hoạt động KH&CN gắn kết và phù hợp với việc tạo ra sản phẩm nghiên cứu đã đăng ký; - Nội dung nghiên cứu đảm bảo được tính mới, không trùng lặp với các nghiên cứu đã có.
<p>2. Sản phẩm khoa học của nhiệm vụ</p> <p>i) Về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt đối với sản phẩm;</p> <p>ii) Về giá trị khoa học; về giá trị thực tiễn của từng sản phẩm.</p>	<p>3. Kết quả nghiên cứu (40 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đúng yêu cầu đặt hàng của Đại học Quốc gia Hà Nội; - Các yêu cầu khoa học hoặc/và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của kết quả và sản phẩm nghiên cứu được trình bày rõ ràng và phù hợp; - Thể hiện chất lượng và trình độ KH&CN ở mức cao hoặc khác biệt.
- Sách khoa học xuất bản, bài báo trên tạp chí khoa học.	
- Kết quả đào tạo cán bộ khoa học.	<p>4. Hỗ trợ đào tạo (10 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể cho NCS hoặc học viên cao học; - Nhiệm vụ luận án hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh/học viên cao học phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu.
<p>Cách xếp loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc; - Đạt; - Không đạt. 	<p>Cách xếp loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: (≥ 90 điểm); - Đạt: (Từ 70 đến 89 điểm); - Không đạt: (< 70 điểm).

Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp [20 - 21].

Ngoài ra, còn có các phương pháp đánh giá khác như: đánh giá ngang hàng (peer review) và đánh giá định lượng, cụ thể:

- Phương pháp đánh giá ngang hàng (peer-review) hay còn gọi là phản biện chéo. Là thẩm định của một tổ chức hay đồng nghiệp, là một quá trình tự giám sát và đánh giá bởi một hội

đồng chuyên gia hoặc là quá trình đánh giá có sự tham gia của các cá nhân uy tín trong lĩnh vực cần bình duyệt. Phương pháp này được dùng chủ yếu đối với các công bố trên tạp chí, dùng cho nhà xuất bản. Từ quan điểm của nhà xuất bản, peer-review có chức năng như một bộ lọc nội dung, hướng các bài báo có chất lượng tốt hơn

đến các tạp chí có chất lượng tốt hơn và do đó tạo ra các thương hiệu tạp chí.

- Phương pháp đánh giá kết quả nghiên cứu định lượng dựa trên các chỉ số tác động/hiệu suất như H-index, Ch-index; chỉ số trích dẫn tương đối (relative citation index hay RCI) hay chỉ số trích dẫn (citation index) cho các ấn phẩm khoa học; hệ số ảnh hưởng (impact factor) cho các tạp chí cho các nhà khoa học,... Hiện nay nhiều tổ chức và quốc gia có xu hướng dùng các phương pháp đánh giá định lượng, khách quan để bổ sung hoặc là cách thông dụng thay cho đánh giá định tính, chủ quan.

Tuy nhiên, với mục đích nghiên cứu và phạm vi của bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ về phương pháp đánh giá định lượng trong nghiên cứu tiếp theo.

4. Thảo luận

Hiện nay, các tiêu chí đánh giá tập trung vào việc xem xét ý nghĩa về mặt lý luận/thực tiễn của đề tài, những đề xuất, kiến nghị có tính khả thi cho công tác hoạch định chính sách kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, những tiêu chí trên hoàn toàn có thể chịu ảnh hưởng từ cảm quan của người đánh giá cũng như chịu tác động từ môi trường với điều kiện chính trị - xã hội hiện thời. Thêm vào đó, thang đo được sử dụng mang tính ước lượng chung chung với 4 mức (gồm xuất sắc, khá, đạt và không đạt) hoặc 3 mức (gồm có xuất sắc, đạt và không đạt). Việc đánh giá dù ở mức nào đi chăng nữa cũng vẫn chịu ảnh hưởng chủ quan từ người đánh giá.

Trong bài viết này, chúng tôi đã trình bày các vấn đề lý luận liên quan đến đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV nhưng với phạm vi của bài viết nên chỉ trình bày một số vấn đề. Các phương pháp đánh giá và các khung đánh giá còn tồn tại một số hạn chế khi khó có thể bao phủ hết tất cả các lĩnh vực trong nghiên cứu khoa học hay khó có thể nắm bắt được sự phức tạp liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học. Việc kết hợp nhiều phương thức đánh giá khác nhau sẽ hạn chế được những nhược điểm so với việc chỉ áp dụng một cách đánh giá nhất định. Thực tế cho thấy, không có

phương pháp nào là chính xác tuyệt đối và việc sử dụng phương pháp, khung đánh giá sẽ không đạt hiệu quả mong muốn nếu thiếu đi đội ngũ chuyên gia đánh giá có năng lực, có phẩm chất và xem xét các kết quả nghiên cứu một cách toàn diện, thay vì chỉ nhìn vào những chỉ mục.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ khoa học “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả và sản phẩm của lĩnh vực KHXH&NV” của Đại học Quốc gia Hà Nội do PGS. TS. Đào Thanh Trường làm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] F. Franceschini, D. Maisano, A. Perotti et al., Analysis of the Ch-Index: An Indicator to Evaluate the Diffusion of Scientific Research Output by Citers, *Scientometrics*, Vol. 85, 2010, pp. 203-217.
- [2] Law on Science and Technology, Law on Science and Technology, No. 29/2013/QH13, 2013 (in Vietnamese).
- [3] V. C. Dam, Evaluation of Scientific Research, Science and Technology Publishing House, Hanoi, 2007 (in Vietnamese).
- [4] V. C. Dam, Textbook of Scientific Research Methodology, Education Publishing House, Hanoi, 2008 (in Vietnamese).
- [5] Nafosted, Basic Research Grant Program, <https://nafosted.gov.vn/chuong-trinh-tai-tro/nghien-cuu-co-ban/> (accessed on: December 16th, 2022).
- [6] Oecd, Applying Evaluation Criteria Thoughtfully, Oecd Publishing, Paris, 2021, <https://doi.org/10.1787/543e84ed-en>.
- [7] Online Dictionary Merriam-Webster, <https://www.merriam-webster.com/dictionary/criterion> (accessed on: November 7th, 2022).
- [8] R. F. Mager, Measuring Instructional Results, (3rd Ed.), 1997, Atlanta, Ga: the Centerfor Effective Performance Inc.
- [9] Ministry of Education and Training, Primary Teacher Professional Standards, 2007 (in Vietnamese).
- [10] J. Owen, P. Rogers, Program Evaluation, Allen and Unwin, 1999.
- [11] T. B. Hoanh, Evaluation in Education, Education Publishing House, 1997 (in Vietnamese).

- [12] Polycynl, Government of Newfoundland and Labrador, Canada. More Information on the Benefits and Types of Evaluation, <https://www.policynl.ca/policydevelopment/pages/information-on-benefits-types-evaluation.html> (accessed on: December 7th, 2022).
- [13] Polycynl, Government of Newfoundland and Labrador, Canada, Program Evaluation, <https://www.gov.nl.ca/pep/program-evaluation/> (accessed on: December 7th, 2022).
- [14] V. C. Dam, Evaluation of Scientific Research, Science and Technology Publishing House, Hanoi, 2011 (in Vietnamese).
- [15] A. Bhattacharjee, Social Science Research: Principles, Methods, and Practices Textbooks Collection, Vol. 3, 2012.
- [16] Party Central Committee Term VIII, Resolution of the Second Conference of the Party Central Committee (Term VIII) on Strategic Orientations for the Development of Education and Training in the Period of Industrialization, Modernization and Mission to the Year 2000, 1997, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-hai-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-viii-ve-dinh-huong-chien-luoc-phet-trien-giao-duc-666> (accessed on: December 22nd, 2022).
- [17] Ministry of Science and Technology, Circular 07/2009/TT-BKHCHN Dated April 3, Guiding the Assessment and Acceptance of State-Level Social Science Projects, 2009 (in Vietnamese).
- [18] Hanoi National University, Decision No. 3839/QĐ-ĐHQGHN Dated October 24, 2014 Regulations on Management of Science and Technology Tasks at Vietnam National University, Hanoi, 2014 (in Vietnamese).
- [19] National University of Ho Chi Minh City Decision 193/QĐ-DHQG-KHCN Dated 22/3/2012 on Promulgating Regulations on Organization, Implementation, and Management of Science and Technology Projects in Vietnam National University, Ho Chi Minh City, 2012 (in Vietnamese).
- [20] Ministry of Science and Technology, Circular No. 11/2014/TT-BKHCHN Dated May 30, 2014, Stipulating the Assessment and Acceptance of Results of the Performance of National-Level Science and Technology Tasks using the State Budget, 2014 (in Vietnamese).
- [21] Hanoi National University, Decision No. 3149/QĐ-DHQGHN Dated September 20, 2022, on Regulations on Management of Scientific and Technological Tasks at Vietnam National University, Hanoi, 2022 (in Vietnamese).